

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2020/DS-ST**.

Ngày: 18/8/2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Viết Ân

2. Bà Lữ Kim Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Học - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLST- DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Anh Trần V C, sinh năm 1968.

- Chị Phan T T, sinh năm 1973.

Cùng trú: tổ 6, ấp 2, xã X T, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

(Chị Phan Thị T ủy quyền cho anh Trần V C làm đại diện theo văn bản ủy quyền lập ngày 31/7/2019 được Chứng thực tại Văn phòng công chứng Vũ Thụy Vy; số chứng thực 6700, quyển số: 07 TP/CC- SCC/HĐGD).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th V, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: tổ 7, ấp B B, xã X Đ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn V M, sinh năm 1970

Nơi cư trú: ấp Tây M, xã Lg M, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Chỗ ở: tổ 7, ấp B B, xã X Đ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.
(Chị V có yêu cầu vắng mặt; chị Th, anh M vắng mặt; anh C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tường trình nguyên đơn – anh Trần V C, chị Phan Thị Th (do anh C làm đại diện) trình bày:*

Giữa gia đình tôi và gia đình chị Nguyễn Thị Thanh V ở gần nhau và có quen biết, ngày 06/9/2016 chị V có đến nhà tôi mượn số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày 11/10/2016 chị V tiếp tục mượn 10.000.000 đồng. Khi mượn tiền thì giữa hai bên có lập giấy tay do chị V viết ra, 02 lần mượn đều ghi chung 01 giấy tay, thỏa thuận mức lãi suất là 02%/tháng và thời gian vay là 12 tháng. Tháng 9/2016, chị V đóng lãi được 400.000 đồng; từ tháng 10/2016 đến tháng 05/2018 đóng hàng tháng 600.000 đồng x 19 tháng = 11.400.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà tôi nhận được là 11.800.000 đồng. Từ tháng 06/2018 đến nay thì chị V không trả gốc và lãi được đồng nào cả.

Sau đó tôi có làm đơn gửi lên UBND xã Xuân Đông giải quyết thì chị V cam kết từ ngày 24/3/2019 đến ngày 30/6/2019, sẽ trả đủ nợ gốc và lãi suất 1%/tháng nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Sau này thì chúng tôi biết được chị Nguyễn Thị Thanh V lấy anh Nguyễn V M làm chồng. Nay vợ chồng tôi yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh V và anh Nguyễn V M có nghĩa vụ liên đới trả cho chúng tôi số tiền vay là 30.000.000 đồng và mức lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng) từ ngày 11/6/2018 cho đến ngày Tòa án xét xử là 13.064.200 đồng, Tổng số tiền phải trả là 43.064.200 đồng

**Tại biên bản lấy lời khai, bản tự khai bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh V trình bày:*

Tôi thừa nhận quá trình vay nợ tiền của anh Trần V C, chị Phan Thị Th như anh C trình bày là đúng, tôi xác định hiện nay còn nợ lại anh Cg, chị Th số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, tôi đồng ý trả số tiền vay là 30.000.000 đồng và mức lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng) từ ngày 11/6/2018 cho đến nay. Tôi không yêu cầu Tòa án tính lại khoản tiền lãi trước đây đã thỏa thuận và trả cho anh C, chị T.

Đối với yêu cầu anh M cùng liên đới trả nợ, thì tôi có ý kiến đây là khoản nợ riêng của tôi có trước hôn nhân, vì lúc vay tôi độc thân, đến tháng 10/2017 tôi mới tiến đến hôn nhân với anh M. Vì vậy, chỉ mình tôi mới có trách nhiệm trả nợ cho anh C, chị T.

**Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn V M không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.*

Các tài liệu, chứng cứ thu thập được:

* Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: BB làm việc vay mượn tiền ngày 24/3/2019 và 24/4/2019, Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, Giấy tường

trình, Giấy ủy quyền, Giấy mượn tiền lập ngày 06/9/2016, Giấy viết tay của chị Viêng ngày 24/3/2019; Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, Trích lục kết hôn, Đơn xin xác nhận ngày 03/10/2019, đơn đề nghị

* Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp: Đơn xin xem xét, Giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn ngày 03/8/2019,

* Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được: Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 07/8/2019 (Nguyễn Thị Thanh V), 10/9/2019 (Trần Văn C), Phiếu yêu cầu xác minh

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, do chị V, anh M vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

** Tại phiên tòa hôm nay:*

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh V và anh Nguyễn V M có nghĩa vụ liên đới trả cho chúng tôi số tiền vay là 30.000.000 đồng và mức lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng) từ ngày 11/6/2018 cho đến ngày Tòa án xét xử là 13.064.200 đồng

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn V M vắng mặt nên không có lời trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Việc tuân theo pháp luật của các nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt một số buổi triệu tập và không tham dự phiên tòa; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tất cả các buổi triệu tập và không tham dự phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là bà V trả 30.000.000 đồng tiền vay lãi suất 1.66%/tháng tính từ ngày 11/6/2018 đến khi giải quyết xong vụ việc. Yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn V M cùng liên đới trả nợ là không có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Trần V C, chị Phan Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Thanh V phải trả nợ tiền vay. Chị Nguyễn Thị

Thanh V có nơi cư trú tại ấp B B, xã X Đ huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng và ủy quyền: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn V M, chị Nguyễn Thị Thanh V nhưng anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Thanh V vắng mặt không có lý do; nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Phan Thị Th có văn bản ủy quyền cho anh Trần Văn Cg làm đại diện. Xét việc ủy quyền trên của là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định tại Điều 87 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

* Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Giữa anh Trần Văn C, chị Phan Thị Th và chị Nguyễn Thị Thanh V có giao dịch vay tài sản là tiền. Chứng cứ để khởi kiện của anh C, chị Th là Giấy mượn tiền ngày 06/9/2016 và ngày 11/10/2016 (Cùng 01 Giấy), chị Viêng thừa nhận là chữ ký, chữ viết; Tại biên bản làm việc của Công an xã Xuân Đông ngày 24/3/2019 và khi làm việc với Tòa án, chị V cũng thừa nhận đang nợ anh Cg, chị Th số tiền 30.000.000 đồng; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nên xác định hiện nay chị V còn nợ anh C, chị Th số tiền gốc 30.000.000 đồng, nên yêu cầu khởi kiện của anh C, chị Th là có căn cứ và được chấp nhận.

* Xét yêu cầu tính lãi:

Anh C, chị Th yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng) trên số tiền gốc 30.000.000 đồng tính từ ngày 11/6/2018 đến nay. Yêu cầu tính lãi của nguyên đơn được bị đơn đồng ý và phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận, cụ thể:

Từ ngày 11/6/2018 đến 18/8/2020 là 26 tháng, 7 ngày :

$[30.000.000 \text{ đồng} \times 26 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng}] = 12.948.000 \text{ đồng}$

$[30.000.000 \text{ đồng} \times 7/30 \text{ ngày} \times 1,66\%/\text{tháng}] = 116.200 \text{ đồng}$

Tổng số tiền lãi: 13.064.200 đồng

Chị V không yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã đóng trước đây nên Tòa án không xem xét.

* Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc anh Nguyễn V M có nghĩa vụ liên đới cùng chị Nguyễn Thị Th V trả nợ:

Căn cứ vào Giấy mượn tiền thể hiện giữa các ngày 06/9/2016 và ngày 11/10/2016, anh C, chị T có cho chị V mượn tiền nhưng tại Trích lục kết hôn

của UBND xã Xuân Đông ngày 02/10/2019 xác định chị Vi anh M đăng ký kết hôn ngày 25/10/2017; Ngày 04/10/2019 Công an xã Xuân Đông xác nhận anh M, sinh sống tại nhà chị Vi từ tháng 10/2017 cho đến nay. Như vậy, việc các bên có vay mượn tiền xảy ra trước khi chị Viêng, anh M tiến đến hôn nhân và chung sống cùng nhau nên anh M không có nghĩa vụ chung cùng chịu trách nhiệm với chị V trả nợ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của anh Trần V C, chị Phan T Th được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Th V phải nộp phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ: quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần V C, chị Phan Thị Th đối với chị Nguyễn Thị Thanh V, anh Nguyễn V Mỹ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

1. Buộc chị Nguyễn Thị Thanh V có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn C, chị Phan Thị Th số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 13.064.200 đồng. Tổng số tiền là 43.064.200 (*Bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn C, chị Phan Thị Th về việc buộc anh Nguyễn Văn M có nghĩa vụ chung cùng chịu trách nhiệm liên đới với chị Thị Th V trả nợ vay.

3. Về án phí:

3.1 Anh Trần Văn C, chị Phan Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho anh C chị T số tiền 912.000 (*Chín trăm mười hai ngàn*)

đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001960 ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

3.2 Chị Nguyễn Thị Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.153.200 (*Hai triệu một trăm năm mươi ba ngàn hai trăm*) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Trường